TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Duy Hải;

2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 667 Tổ 4, Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà 667 Tổ 4, Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh D có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013, Quyển số 01/2012 ngày 31/01/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và hiện tại không còn sống chung với nhau. Bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/9/2014. Khi ly hôn, bà Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh K, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Minh D đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì ông Nguyễn Minh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số nhà 667 Tổ 4, Ấp 3, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Hiện nay ông D vẫn còn sinh sống tại địa phương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013, Quyển số 01/2012 ngày 31/01/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị H xác định từ năm 2014 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông D đã được Tòa án nhân dân thị xã T tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông D không đến Tòa án cho thấy ông D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và ông D đã từ bỏ quyền chứng minh, phản bác của mình. Tại Tòa án, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D, không còn muốn chung sống với ông D. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/9/2014. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng bà H, bà H có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà H là có căn cứ chấp nhận quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Minh D như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 07/9/2014 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013945 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- UBND xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm